

DANH SÁCH HỌC SINH XÉT LÊN LỚP - KHÓA 21 - TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP (2010 - 2011)
LỚP : NGOẠI THƯƠNG 21

Gvcn: Cô Bùi Thị Kim Uyên			HỌC KÌ 1								HỌC KÌ 2								Tổng số học sinh: 90			
STT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giáo dục quốc phòng	Anh văn (1)	Chính trị (1)	Giáo dục pháp luật	Chính trị (2)	Kinh tế chính trị (1)	Kinh tế vi mô	Giáo dục thể chất	Kinh tế chính trị (2)	Anh văn (2)	Quản trị học	Luật thương mại Q.Tê	Nguyên lý kế toán	Marketing CB	Anh văn (3)	Tin học CB	Điểm TBC Học tập Năm 1	Điểm rèn luyện Năm 1	Xét Khen thưởng Năm 1	GHI CHÚ
			5 DVHT	3 DVHT	3 DVHT	2 DVHT	3 DVHT	3 DVHT	3 DVHT	3 DVHT	3 DVHT	3 DVHT	3 DVHT	3 DVHT	3 DVHT	3 DVHT	3 DVHT	3 DVHT	3 DVHT	Điểm TBC Học tập Năm 1	Điểm rèn luyện Năm 1	
1	Trịnh Hùng An	13/05/91	5.5	4.5	4.5	7.5	5.5	5.0	4.0	7.5	3.5	2.5	0.0	4.5	2.0	2.0	4.0	5.5	3.5	56		Buộc thôi học
2	Nguyễn Thị Lan Anh	04/11/90	7.0	5.5	7.5	7.5	5.0	6.5	7.0	7.5	6.0	5.5	7.5	7.0	8.0	6.5	5.0	7.5	6.7	100		
3	Nguyễn Phi Âu	05/06/91	7.0	5.5	7.0	8.0	7.5	8.0	7.0	8.0	7.0	5.5	6.0	6.0	8.0	5.5	5.0	8.5	6.6	86		
4	Nguyễn Thanh Bình	05/11/92	7.5	6.0	7.5	7.5	7.5	6.0	7.0	7.5	6.5	6.0	6.5	6.0	5.5	6.0	5.0	6.5	6.2	80		
5	Hồ Thị Ngọc Bình	20/11/92	7.0	5.0	6.5	7.0	5.5	6.5	6.5	7.5	6.0	5.0	5.0	5.5	5.0	6.0	5.0	5.5	5.6	84		
6	Dương Chí Công	08/07/88	6.5	6.0	6.0	7.0	6.0	8.0	8.5	7.0	6.0	7.0	6.0	6.5	8.0	6.5	5.0	8.5	6.7	78		
7	Nguyễn Thị Phương Châu	17/05/92	7.0	5.0	6.0	7.0	7.5	7.0	6.5	9.0	7.0	5.5	6.0	5.5	8.5	6.5	5.0	8.0	6.8	85		
8	Nguyễn Phúc Chính	16/04/90	5.5	6.0	4.0	6.5	6.0	6.0	4.5	6.0	3.5	3.5	2.5	0.0	0.0	0.0	0.0	1.0	1.8	43		Buộc thôi học
9	Lê Thị Thu Diễm	01/01/92	6.5	6.0	6.0	7.5	5.0	6.5	6.0	6.5	6.0	6.0	6.5	5.0	6.0	6.5	5.0	5.0	5.8	80		
10	Võ Lê Thùy Dung	05/11/92	7.0	6.0	7.0	5.0	7.5	6.5	7.0	6.5	6.0	6.0	6.0	3.0	6.0	7.5	6.0	7.5	6.1	83		
11	Nguyễn Trường Duy	20/07/89	6.5	6.0	4.0	6.0	3.5	6.0	4.0	6.5	3.5	2.5	2.5	3.0	1.0	0.0	0.0	1.0	2.2	54		Buộc thôi học
12	Huyền Thị Kim Duyên	27/09/91	7.0	5.0	5.0	6.5	5.0	6.5	6.0	7.0	6.5	5.5	5.0	5.5	5.0	5.5	5.0	6.5	5.7	83		
13	Khương Thùy Dương	25/09/92	6.5	6.0	6.5	8.0	6.0	6.5	6.5	7.0	6.0	5.0	5.5	5.0	6.0	6.5	5.0	8.5	6.1	84		
14	Đỗ Anh Đào	25/02/90	7.5	6.0	5.5	7.0	5.0	5.5	6.0	6.5	5.5	6.0	6.0	5.0	6.0	5.5	4.5	6.0	5.7	66		
15	Phạm Quốc Thiên Đạt	25/04/91	7.0	5.5	5.0	7.5	6.0	6.0	7.0	6.5	6.0	5.0	6.0	5.0	5.0	6.5	5.5	7.5	5.9	62		
16	Nguyễn Thị Hoài Đức	10/12/92	7.0	4.5	5.0	5.5	5.0	6.5	6.0	8.0	5.5	6.0	5.0	5.0	6.0	5.5	6.0	6.5	5.9	86		
17	Lê Thành Được	16/10/91	6.5	6.5	5.5	6.0	3.0	7.0	3.5	6.5	3.5	6.5	6.5	6.5	5.0	7.0	5.5	7.5	6.1	67		
18	Nguyễn Thành Được	30/03/90	7.0	4.5	4.5	6.0	5.0	3.0	5.5	0.5	2.0	3.5	5.0	2.5	5.5	6.0	3.0	6.0	3.8	48		Buộc thôi học
19	Hồ Văn Giới	12/02/92	8.5	5.0	8.0	7.5	8.5	8.0	6.5	9.5	6.0	6.0	6.0	6.5	7.0	6.5	5.5	7.0	6.7	85		
20	Nguyễn Kim Hà	24/10/92	7.5	6.0	7.0	7.0	5.0	7.0	7.5	7.0	5.5	6.0	5.5	6.5	5.5	7.0	5.0	8.0	6.2	80		
21	Trần Đình Hải	20/09/88	6.5	5.0	7.5	8.5	8.0	7.5	5.0	8.0	6.0	5.5	5.5	6.5	5.0	6.5	5.0	7.0	6.1	80		
22	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	25/06/91	7.0	5.0	7.0	7.5	6.0	5.5	7.0	8.0	4.5	4.5	5.0	5.5	6.5	6.0	5.0	2.5	5.3	79		
23	Phan Thị Hiếu	25/06/91	7.0	4.5	6.5	7.0	6.0	7.0	7.0	8.5	5.5	5.5	5.5	5.5	5.0	7.0	5.0	8.5	6.2	82		
24	Lê Phùng Hiếu	24/02/91	7.5	5.5	7.0	7.5	5.0	7.0	7.0	7.5	7.5	6.0	3.5	6.0	5.0	7.5	5.0	7.0	6.1	73		
25	Nguyễn Tường Hóa	04/10/89	7.0	4.5	6.5	7.5	6.5	6.5	6.0	9.0	6.0	4.5	5.5	7.0	6.0	5.0	4.5	7.5	6.1	72		
26	Trần Tuấn Hùng	01/09/91	6.5	7.5	6.0	8.5	7.0	6.5	6.5	7.5	6.5	8.0	5.0	5.5	5.5	6.0	5.0	7.0	6.2	73		
27	Lê Như Huỳnh	18/02/92	7.5	7.5	7.0	8.0	8.5	7.5	7.0	9.0	7.0	7.5	7.0	6.0	7.5	7.0	7.0	5.0	7.0	86		Khá
28	Đặng Thị Hương	22/05/92	8.0	5.5	7.0	8.0	8.5	6.5	6.0	8.5	5.5	6.5	6.0	6.0	8.5	6.0	6.0	7.5	6.7	84		
29	Lê Thị Oanh Kiều	24/10/91	7.5	5.5	7.5	7.0	8.0	8.0	6.0	9.0	5.5	6.0	7.0	6.0	6.5	6.5	6.5	7.0	6.7	88		
30	Tiền Kiều	28/02/90	6.0	5.5	5.0	5.0	7.0	7.5	7.5	8.0	5.0	6.5	7.0	5.5	5.5	5.5	6.0	7.0	6.2	82		
31	Phan Tuấn Khanh	06/08/90	7.0	5.5	5.5	5.0	7.5	7.0	7.5	8.0	6.5	7.0	5.5	6.0	6.0	6.0	5.5	7.5	6.4	82		
32	Bùi Thị Ngọc Liễu	16/11/90	6.5	6.5	7.0	8.0	7.5	7.5	7.0	9.0	6.5	7.5	6.0	5.5	6.0	6.5	6.5	8.5	6.9	82		
33	Đặng Thị Thùy Linh	20/02/89	0.0	4.5	7.0	7.0	8.5	6.5	2.5	7.0	6.0	6.5	6.5	6.5	7.5	6.5	6.0	7.0	6.6	66		

Gvcn: Cô Bùi Thị Kim Uyên

HỌC KÌ 1

HỌC KÌ 2

Tổng số học sinh: 90

STT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	HỌC KÌ 1						HỌC KÌ 2									Tổng số học sinh: 90				
			Giáo dục quốc phòng	Anh văn (1)	Chính trị (1)	Giáo dục pháp luật	Chính trị (2)	Kinh tế chính trị (1)	Kinh tế vi mô	Giáo dục thể chất	Kinh tế chính trị (2)	Anh văn (2)	Quản trị học	Luật thương mại Q.Tê	Nguyên lý kế toán	Marketing CB	Anh văn (3)	Tin học CB	Điểm TBC Học tập Năm 1	Điểm rèn luyện Năm 1	Xét Khen thưởng Năm 1	GHI CHÚ
			5 ĐVHT	3 ĐVHT	3 ĐVHT	2 ĐVHT	3 ĐVHT	3 ĐVHT	3 ĐVHT	3 ĐVHT	3 ĐVHT	3 ĐVHT	3 ĐVHT	3 ĐVHT	3 ĐVHT	3 ĐVHT	3 ĐVHT	3 ĐVHT				
34	Nguyễn Trúc Linh	05/06/91	7.0	5.5	7.0	7.5	8.5	6.5	6.0	9.0	7.0	6.0	6.0	7.0	6.0	6.5	5.0	8.0	6.7	79		
35	Nguyễn Mai Tùng	22/09/90	6.5	5.0	4.0	7.5	7.0	8.0	5.5	9.0	7.0	5.5	6.5	6.0	3.5	7.0	5.5	6.0	6.2	78		
36	Ong Thị Cẩm	14/04/92	7.0	5.0	5.5	7.5	8.5	6.5	6.5	8.0	6.5	5.5	5.5	6.0	6.0	6.5	6.0	7.0	6.3	76		
37	Nguyễn Minh	25/05/91	7.0	6.0	5.5	9.0	8.0	6.5	8.5	9.0	7.5	6.5	7.5	6.5	6.5	7.0	6.5	8.5	7.3	65		
38	Nguyễn Đại	08/11/92	6.5	6.5	6.5	8.5	7.0	7.0	6.0	9.5	5.0	6.5	6.0	6.0	7.0	6.0	5.0	8.0	6.6	83		
39	Vân Thị Tường	13/02/91	7.0	7.0	7.5	8.0	8.5	7.5	5.5	9.0	7.0	6.0	7.5	5.5	7.5	7.5	8.0	7.5	7.3	83	Khá	
40	Nguyễn Thị Kim	30/09/92	7.5	6.5	7.5	8.0	8.5	7.0	7.5	9.5	6.5	7.5	6.5	6.0	7.0	9.0	7.0	8.0	7.4	90	Khá	
41	Nguyễn Văn	00/00/91	6.5	5.5	5.0	8.0	5.5	6.5	4.0	9.0	6.0	5.0	5.0	5.5	5.0	6.0	5.5	7.0	6.0	78		
42	Nguyễn Thị	02/04/88	7.0	7.0	7.0	7.5	8.0	7.0	5.0	7.5	7.0	7.0	6.0	6.0	5.0	7.0	5.0	8.5	6.6	81		
43	Đàm Thị Yên	04/05/92	8.0	6.5	6.0	8.0	6.5	7.0	7.0	7.0	5.5	5.5	5.5	6.0	5.5	7.0	5.5	8.5	6.2	83		
44	Nguyễn Hữu	04/08/92	6.5	5.0	7.0	6.5	6.5	7.5	8.0	8.5	6.5	5.5	5.5	6.0	6.5	7.5	4.0	8.0	6.4	72		
45	Phạm Hồng Thiên	24/04/92	8.0	5.0	6.0	7.0	5.5	7.0	5.0	8.0	6.5	7.5	5.0	5.0	5.5	7.0	5.0	7.0	6.3	66		
46	Nguyễn Mỹ	12/05/92	6.5	5.0	6.0	7.5	5.0	6.0	7.0	8.0	6.0	5.0	5.5	5.5	6.0	6.5	6.0	7.0	6.2	68		
47	Lê Thị Nhi	15/11/91	8.0	7.0	7.0	8.0	9.0	7.0	7.0	9.0	7.5	6.5	5.5	6.0	7.0	7.5	6.0	7.5	6.9	79		
48	Đào Thanh	29/09/89	6.0	5.5	5.0	7.0	6.5	7.0	5.0	7.5	5.0	5.0	5.0	5.5	5.0	6.0	5.5	7.0	5.7	76		
49	Hồ Minh	10/10/91	5.0	6.0	4.5	6.0	5.0	6.0	5.0	0.0	6.0	5.5	2.5	2.5	5.5	2.0	4.5	5.0	3.7	64		Buộc thôi học
50	Nguyễn Lý Minh	26/06/90	6.0	5.0	5.5	6.0	4.0	6.0	4.5	7.5	7.0	6.0	6.0	5.0	6.0	5.5	5.0	3.5	5.7	60		
51	Hà Anh	27/01/89	6.0	8.0	5.5	8.5	5.0	5.5	6.5	9.5	6.5	7.5	4.0	6.0	5.0	6.5	6.0	7.5	6.5	79		
52	Tạ Văn	10/11/90	8.0	7.0	7.5	8.0	8.5	7.5	9.0	9.5	7.0	8.0	7.5	7.0	10.0	7.5	5.0	10.0	7.9	85	Khá	
53	Vòng A	17/04/90	8.0	8.5	8.0	9.0	8.5	8.0	9.5	10.0	7.5	7.5	7.5	7.0	8.0	6.5	7.0	9.5	7.8	91	Khá	
54	Nguyễn Anh	01/12/91	7.0	6.0	5.5	7.0	5.5	6.5	6.5	8.5	7.0	4.5	5.0	5.5	5.5	5.5	4.5	8.0	6.0	81		
55	Đỗ Đức	06/10/92	6.5	7.0	6.0	7.0	6.5	6.5	7.5	7.0	7.5	3.0	6.5	6.0	6.0	6.5	7.5	8.5	6.5	71		
56	Lê Ngọc	17/04/91	7.5	4.5	6.0	7.0	4.5	6.5	6.0	9.0	7.5	6.0	6.0	5.5	5.0	6.0	4.0	8.0	6.3	72		
57	Đỗ Nguyễn Thùy	08/09/92	8.0	6.5	7.5	8.5	8.5	6.5	7.5	8.5	6.0	7.0	7.0	6.0	6.0	6.0	6.5	8.5	6.8	95		
58	Nguyễn Đức	30/03/92	6.5	6.5	6.0	7.5	7.0	6.5	5.5	8.5	6.0	7.0	5.5	5.5	6.5	6.5	5.0	8.5	6.6	85		
59	Võ Minh	01/08/90	6.0	4.0	6.5	5.0	4.5	5.5	5.5	9.0	4.0	5.5	5.0	5.5	5.5	6.0	3.5	8.0	5.8	56		
60	Dư Anh	30/07/91	6.5	4.0	8.0	7.5	6.0	8.0	7.0	9.0	6.0	5.5	6.5	5.5	5.0	6.0	5.0	6.5	6.1	80		
61	Mai Thị Hồng	14/06/92	6.5	6.5	7.0	8.0	8.5	6.5	7.0	8.5	6.5	5.5	6.0	6.0	8.5	7.0	5.5	8.5	6.9	85		
62	Đỗ Quốc	12/04/90	6.5	5.5	6.5	8.0	6.0	6.5	7.5	10.0	6.5	8.0	5.0	5.5	5.5	6.5	5.5	8.5	6.8	75		
63	Phạm Thanh	03/12/92	6.0	6.0	6.5	7.5	7.5	5.0	6.0	8.0	6.0	5.0	5.0	6.0	5.0	6.0	5.0	8.5	6.1	81		
64	Nguyễn Thị Thanh	28/02/92	6.5	4.0	6.0	6.5	5.5	6.5	6.5	8.0	6.5	6.5	5.0	5.0	6.0	6.0	5.0	6.0	6.0	78		
65	Thiệu Hồng	10/08/92	7.5	5.0	5.0	7.0	5.5	6.5	7.5	7.5	6.0	5.0	6.0	5.5	5.5	6.0	5.0	7.5	6.0	74		
66	Nguyễn Thị Thu	28/02/90	7.5	6.0	6.5	7.5	5.5	7.0	6.5	8.5	6.5	6.5	5.5	5.5	7.0	5.0	5.0	7.5	6.3	81		
67	Phạm Thị Phương	10/10/92	6.5	5.0	6.0	6.0	7.0	6.5	3.5	6.5	5.5	3.0	3.0	6.0	1.5	6.5	5.0	2.5	4.4	55		Tạm ngừng học
68	Nguyễn Minh	22/01/88	6.5	5.0	6.0	6.5	6.5	6.0	7.0	7.0	7.0	5.5	5.0	5.5	6.0	5.0	5.0	6.0	5.8	82		
69	Nguyễn Thị Xuân	17/01/92	6.0	5.5	4.5	7.5	3.5	4.0	6.0	7.0	6.0	8.0	0.0	2.0	5.5	5.5	5.0	5.0	4.9	62		Tạm ngừng học
70	Nguyễn Thị Đăng	20/12/92	7.0	5.0	5.0	8.0	5.0	6.0	5.0	6.5	5.5	5.5	5.0	5.5	5.0	6.0	5.0	6.0	5.6	88		
71	Trần Hữu	06/02/87	7.5	5.0	5.0	7.5	8.0	6.5	6.5	9.5	5.5	6.0	6.0	5.5	6.5	6.0	5.5	6.0	6.3	64		
72	Trần Văn	09/10/90	5.5	5.0	4.5	7.0	7.0	6.0	5.5	8.0	6.0	3.0	2.5	5.5	3.0	5.0	5.0	6.0	4.9	57		Tạm ngừng học

Gvcn: Cô Bùi Thị Kim Uyên

STT	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	HỌC KÌ 1						HỌC KÌ 2									Tổng số học sinh: 90				
				Giao dục quốc phòng	Anh văn (1)	Chính trị (1)	Giao dục pháp luật	Chính trị (2)	Kinh tế chính trị (1)	Kinh tế vi mô	Giao dục thể chất	Kinh tế chính trị (2)	Anh văn (2)	Quản trị học	Luật thương mại Q.Tê	Nguyên lý kế toán	Marketing CB	Anh văn (3)	Tin học CB	Điểm TBC Học tập Năm 1	Điểm rèn luyện Năm 1	Xét Khen thưởng Năm 1	GHI CHÚ
				5	3	3	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	
ĐVHT	ĐVHT	ĐVHT	ĐVHT	ĐVHT	ĐVHT	ĐVHT	ĐVHT	ĐVHT	ĐVHT	ĐVHT	ĐVHT	ĐVHT	ĐVHT	ĐVHT	ĐVHT	ĐVHT	ĐVHT	ĐVHT	ĐVHT				
73	Lý Hữu Thọ	03/09/88	0.0	6.5	5.0	9.0	5.0	7.5	6.5	9.0	7.0	7.5	7.0	6.0	5.5	6.0	5.0	8.5	6.8	79			
74	Trần Thị Thu Thủy	21/10/89	7.0	6.5	5.5	8.0	8.0	6.5	7.0	8.5	6.0	8.0	6.0	6.5	6.5	6.0	5.5	8.5	6.8	76			
75	Nguyễn Thị Minh Thư	12/08/90	7.5	5.5	6.5	7.5	7.5	7.0	6.0	8.0	6.0	6.5	7.0	6.0	6.0	6.5	6.0	7.5	6.6	76			
76	Nguyễn Ngọc Minh Thư	20/12/91	7.0	5.5	5.0	8.0	8.0	7.5	6.5	8.5	6.5	5.0	5.0	6.0	5.0	6.0	5.0	6.5	5.9	89			
77	Trần Thị Bích Trâm	22/04/91	8.0	7.5	8.0	7.5	8.5	7.0	6.0	7.0	7.0	7.5	7.0	6.0	5.0	7.0	5.5	9.0	6.8	89			
78	Phạm Minh Trí	22/08/88	6.5	6.5	7.5	7.5	8.0	6.5	8.5	9.0	6.5	6.0	6.5	5.5	6.5	6.5	6.5	9.0	6.9	74			
79	Nguyễn Thị Bích Trinh	26/04/92	7.0	5.5	5.0	7.5	7.0	6.0	6.0	7.5	5.5	5.0	5.5	5.5	5.5	6.0	5.5	9.5	6.2	78			
80	Huỳnh Thị Trúc	10/09/92	7.0	5.0	5.5	7.5	7.0	7.0	8.0	7.0	5.5	5.0	6.5	5.5	5.5	6.5	5.0	8.5	6.1	75			
81	Nguyễn Thị Hồng Trúc	20/06/91	7.0	4.5	7.0	7.0	7.5	6.0	5.0	9.0	6.5	5.5	6.5	7.0	6.5	6.5	3.5	7.5	6.5	68			
82	Mai Minh Trung	09/10/90	6.5	5.0	8.0	6.5	8.0	7.0	7.0	7.5	6.0	3.0	3.0	2.5	3.5	0.0	0.0	7.0	3.6	60	Buộc thôi học		
83	Lê Hoàng Trung	28/08/92	7.0	7.0	5.5	8.5	6.0	6.0	6.0	7.0	6.0	6.5	6.0	6.0	5.5	6.5	5.0	8.0	6.3	78			
84	Nguyễn Phước Trương	14/10/90	6.0	5.5	5.0	7.5	7.5	5.5	6.5	7.0	6.5	5.0	5.0	6.0	5.0	6.0	5.0	3.5	5.4	76			
85	Trần Văn Trường	09/07/92	6.5	5.5	7.0	8.0	7.5	6.5	7.0	9.0	6.5	5.5	5.0	5.0	5.5	7.0	5.0	8.5	6.3	88			
86	Nguyễn Thị Bích Vân	18/09/92	7.5	6.5	5.0	8.0	7.5	6.0	6.0	9.0	6.5	5.5	5.5	5.5	6.0	5.5	5.0	9.0	6.4	88			
87	Ngô Thị Thùy Vân	20/11/89	7.5	6.5	6.0	7.5	8.0	6.0	7.5	7.5	6.5	6.0	5.5	6.0	5.5	6.5	6.0	8.5	6.4	84			
88	Huỳnh Phạm Quốc Việt	02/09/91	7.5	5.0	4.5	8.0	7.0	6.0	6.0	9.0	6.0	5.5	5.0	4.5	5.0	5.5	4.5	6.5	5.7	63			
89	Ngô Thảo Vương	08/01/92	8.0	6.0	7.0	8.5	8.5	7.0	7.0	7.5	5.5	6.5	6.0	6.0	6.5	6.5	5.0	7.5	6.3	97			
90	Mã Minh Xuân	09/05/91	7.0	4.5	6.0	7.0	4.5	5.5	4.0	7.5	3.5	3.0	3.0	3.0	1.5	0.0	0.0	3.0	2.7	60	Buộc thôi học		

- Số học sinh được lên lớp : 80

- Khen thưởng: + Xuất sắc: 0

- Số học sinh tạm ngừng học : 3

+ Giỏi : 0

- Số học sinh buộc thôi học : 7

+ Khá : 5

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2011

KHOA THƯƠNG MẠI - DU LỊCH

TRƯỞNG KHOA

Phạm Văn Nhuận